

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày 26/03/2024
“Tranh chấp hợp đồng kinh tế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Tống Thị Diệp**, bà **Phạm Thị Tuyết Nhung**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban - Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST-KDTM ngày 27/11/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 20/02/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐHPT-KDTM ngày 07/03/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công Ty TNHH MTV P.**

Địa chỉ: **B N, TT E, Huyện C, tỉnh Đắk Nông**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hà Xuân T** - Chức vụ : Giám Đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Bà **Hoàng Bích H**, sinh năm 1987

Địa chỉ: **Số E A, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.** Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: **Công Ty TNHH X.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Thành T1** - Chức vụ : Giám Đốc

Địa chỉ: **2 Đ, P. T, TP ., Tỉnh Đắk Lắk.** Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bà **Hoàng Bích H** trình bày:**

Công Ty TNHH MTV P và **Công Ty TNHH X** ký HĐKT số 04/2022/PV-DN ngày 10 tháng 04 năm 2022 về việc vận chuyển BTNN phục vụ thi công trình

huyện L, tỉnh Đắk Lắk, và HĐKT số 07/2022/PV-DN ngày 20 tháng 07 năm 2022 về việc vận chuyển BTNN phục vụ thi công trình huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Sau khi hoàn thành xong khối lượng công việc thì hai bên đã nhiều lần đối chiếu công nợ. Đến ngày 25/7/2023 Công ty X lập giấy cam kết trả nợ với nội dung Công ty X xác nhận còn nợ Công ty P số tiền 310.313.380 đồng, cam kết trả nợ trong vòng 03 tháng như sau: Lần 1, chậm nhất ngày 10/08/2023 trả 100.000.000đồng; Lần 2, chậm nhất ngày 20/09/2023: trả 100.000.000đồng; Lần 3 chậm nhất ngày 30/10/2023: trả 110.313.380 đồng. Tuy nhiên đến ngày 10/8/2023 thì Công ty X mới trả cho Công ty P được số tiền 70.313.380 đồng. Sau đó không trả thêm khoản tiền nào khác.

Công Ty TNHH MTV P khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc công ty TNHH X phải trả cho công ty TNHH MTV P số tiền còn thiếu (nợ gốc) là 240.000.000 đồng.

2. Buộc công ty TNHH X phải trả thêm khoản lãi phát sinh từ 11/08/2023 đến khi trả hết số nợ theo lãi suất hai bên thoả thuận trong hợp đồng là 10%/năm.

* **Bị đơn - Công Ty TNHH X** vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “Tranh chấp hợp đồng kinh tế” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 351, 357, 429, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công Ty TNHH MTV P.

Buộc Công Ty TNHH X có nghĩa vụ thanh toán cho Công Ty TNHH MTV P. Số tiền gốc là 240.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng tính từ ngày 11/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền gốc kể từ ngày xét xử cho đến khi trả nợ xong.

Về án phí: Bị đơn Công Ty TNHH X phải chịu án phí KDTM sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn Công Ty TNHH MTV P không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ hồ sơ vụ án thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”; Bị đơn có trụ sở tại TP ., tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết, xét xử vụ án bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng không tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu trả tiền gốc: Công Ty TNHH MTV P khởi kiện yêu cầu công ty TNHH X phải thanh toán số tiền gốc là 240.000.000 đồng. Căn cứ giấy cam kết trả nợ với nội dung Công ty X xác nhận còn nợ Công ty P số tiền 310.313.380 đồng, cam kết trả nợ trong vòng 03 tháng như sau: Lần 1, chậm nhất ngày 10/08/2023 trả 100.000.000đồng; Lần 2, chậm nhất ngày 20/09/203: trả 100.000.000đồng; Lần 3 chậm nhất ngày 30/10/2023: trả 110.313.380 đồng. Đến ngày 10/8/2023 thì Công ty X mới trả cho Công ty P được số tiền 70.313.380 đồng. Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp có chữ ký và con dấu của công ty TNHH X. Căn cứ khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là các tình tiết không phải chứng minh. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 240.000.000 đồng.

- Về lãi suất: Nguyên đơn buộc bị đơn phải trả thêm khoản lãi phát sinh từ 11/08/2023 đến khi trả hết số nợ theo lãi suất hai bên thoả thuận trong hợp đồng là 10%/năm. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định nên cần xem xét cụ thể như sau:

Lãi suất của tổng số tiền: 240.000.000 đồng, tính từ ngày 10/8/2023, ngày cam kết trả nợ đến ngày xét xử, ngày 26/3/2024 = 240.000.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng, 02 tuần, 01 ngày = 15.016.500 đồng (làm tròn).

[4]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 351, 357, 429, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công Ty TNHH MTV P.

Buộc Công ty TNHH X có nghĩa vụ thanh toán cho Công Ty TNHH MTV P tổng số tiền: 255.016.500 đồng. Trong đó số tiền gốc là 240.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử, ngày 26/3/2024 là 15.016.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH X phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 12.750.500 đồng.

Hoàn trả cho Công Ty TNHH MTV P 6.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004407 ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Tp. B,
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn